

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-PT

Ngày: 10 - 3 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải.

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 và 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2023/QĐPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty VX.

Địa chỉ: Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện pháp luật: Ông Trần Quốc Điều - Chức vụ: Giám đốc.

2. Bị đơn: Công an T.

Địa chỉ: Số A, phường V, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện pháp luật: Ông H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông N- Chức vụ: Chánh Thanh Tra thuộc Công an T.

- Bà V- Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Hậu Cần thuộc Công an T.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân LP.

Địa chỉ: Số A, dãy B, đường E, phường H, quận K, thành phố C.

4. *Người kháng cáo:* Công ty VX.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Công ty VX (gọi tắt Công ty VX) có người đại diện theo pháp luật ông Trần Quốc Điều trình bày: Năm 2009, Công ty VX có trúng gói thầu xây dựng một số hạng mục do Công an T làm chủ đầu tư. Hai bên có ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng để thi công xây dựng. Các công trình xây dựng đã được bàn giao, nghiệm thu và đưa vào sử dụng, nhưng phía Công ty VX vẫn chưa nhận đủ số tiền thanh quyết toán. Cụ thể như sau:

Hạng mục xây dựng nhà ở doanh trại số 01, đưa vào sử dụng tháng 9 năm 2013. Giá trị được quyết toán là 10.772.152.000 đồng; Công an tỉnh đã thanh toán được là 10.448.988.000 đồng. Còn lại số tiền chưa thanh toán là 323.164.000 đồng.

Hạng mục xây dựng Nhà Tàng thư - Hội trường, đã đưa vào sử dụng tháng 11 năm 2015. Giá trị được quyết toán là 29.216.069.000 đồng. Công an tỉnh đã thanh toán được là 24.639.612.171 đồng. Còn số tiền chưa thanh toán là 4.576.456.829 đồng.

Công ty VX có đầu tư xây dựng 03 (ba) sân Tennis (ngoài hạng mục trúng thầu) để phục vụ giải Mekong của Công an tỉnh, đưa vào sử dụng tháng 02 năm 2010. Công an tỉnh cam kết sau 01 (một) năm sẽ thanh toán nhưng không thực hiện đúng. Giá trị đầu tư xây dựng là 3.471.781.791 đồng, Công an tỉnh đã thanh toán được là 651.249.000 đồng. Còn lại số tiền chưa thanh toán là 2.820.532.719 đồng.

Phòng Hậu cần thuộc Công an tỉnh có mượn số tiền 2.000.000.000 đồng, trả được 1.500.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000.000 đồng.

Nay, Công ty VX yêu cầu Công an T có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền còn nợ nêu trên cho Công ty VX là 8.220.153.548 đồng và có trách nhiệm trả số tiền lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền còn lại là 6.590.318.148 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty VX đề nghị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công an T thanh toán số tiền còn lại: Hạng mục Nhà Tàng thư – Hội trường là 2.828.682.279 đồng, bao gồm số tiền 05% chờ quyết toán tương đương 1.460.803.450 đồng và 1.367.878.829 đồng chuyển vượt cho DNTN LP, do không giảm trừ khối lượng giá trị được duyệt của Cục H45 là lỗi của Công an T. Công trình xây dựng 03 sân Tennis số tiền còn lại Công an T chưa thanh toán là

2.820.532.719 đồng. Đồng thời yêu cầu Công an tỉnh phải chịu lãi suất đối với các số tiền chậm thanh toán nêu trên; lãi suất yêu cầu 10%/năm, cụ thể:

Hạng mục xây dựng nhà ở Doanh trại số 01 (thời gian từ ngày 04/9/2013 đến ngày 10/6/2022), là 8 năm 9 tháng 05 ngày. Số tiền lãi là 283.211.190 đồng.

Hạng mục nhà Tàng thư – Hội trường (thời gian từ ngày 04/11/2015 đến ngày 10/6/2022), là 6 năm 7 tháng 05 ngày. Số tiền lãi là 1.893.837.030 đồng.

Công trình xây dựng sân Tennis 1, vốn 1.329.779.177 đồng (thời gian từ ngày 17/11/2010 đến ngày 09/9/2016), là 5 năm 10 tháng 23 ngày, số tiền lãi là 784.083.950 đồng và vốn 678.530.177 đồng (thời gian từ ngày 09/9/2016 đến ngày 10/6/2022), là 5 năm 9 tháng, số tiền lãi là 390.154.851 đồng. Xây dựng sân Tennis đôi, vốn 2.142.003.543 đồng (thời gian từ ngày 29/4/2011 đến ngày 10/6/2022), là 12 năm 01 tháng, số tiền lãi là 2.379.922.428 đồng.

Phòng Hậu Cần mượn, 2.000.000.000 đồng (thời gian từ ngày 12/12/2009 đến ngày 12/11/2010), là 11 tháng, số tiền lãi là 183.333.333 đồng. Vốn 1.000.000.000 đồng thời gian là 5 năm 8 tháng 03 ngày (từ ngày 12/11/2010 đến ngày 15/6/2016), số tiền lãi là 867.488.584 đồng và vốn 500.000.000 đồng thời gian là 6 năm 2 tháng (từ ngày 15/6/2016 đến ngày 10/6/2022), số tiền lãi là 299.999.999 đồng.

Bị đơn Công an T có người đại diện theo ủy quyền bà V trình bày: Về hợp đồng xây dựng gói thầu Nhà ở doanh trại số 1 khối An ninh, cơ sở làm việc Công an T (giai đoạn 2) theo Hợp đồng số 123/HĐ-TCXD ngày 01/12/2009, Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 15/5/2013, Phụ lục hợp đồng số 124/PLHĐ-TCXD ngày 16/11/2015 giữa Công an T và Công ty VX, giá trị hợp đồng là 11.286.343.000 đồng; giá trị xây dựng được duyệt quyết toán là 10.772.152.000 đồng theo Quyết định số: 4507/QĐ-V22-P4 ngày 27/12/2016 của Cục trưởng Cục Tài chính - Bộ Công an về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành. Công an tỉnh đã thanh toán cho Công ty VX số tiền 10.758.988.000 đồng, trong đó có 03% chi phí hỗ trợ quyết toán với số tiền 310.000.000 đồng theo lời hứa trước đây của Nhà thầu, đạt 99,88% giá trị quyết toán được phê duyệt.

Về hợp đồng xây dựng gói thầu Nhà Tàng thư, Hội trường theo hợp đồng số: 115/HĐ-TCXD ngày 16/11/2009 giữa Công an T và Công ty VX, giá trị hợp đồng: 14.406.400.000 đồng, thời gian thi công là 300 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng 19/11/2009, không tính ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định và ngày chủ nhật. Phương thức thanh toán: “Bên B thanh toán 95% giá trị hợp đồng đã ký với bên A sau khi hoàn thành được nghiệm thu đưa vào sử dụng, 10% được thanh toán sau khi bên B hoàn thành hồ sơ quyết toán hoàn công đúng quy định giao cho bên A, 05% được thanh toán sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành

công trình, 05% được thanh toán sau khi bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình. Phụ lục hợp đồng số: 115.2/PLHĐ ngày 18/6/2014 giữa Công an T và Công ty VX, bổ sung điều chỉnh giá trị hợp đồng 28.966.411.000 đồng, Phụ lục hợp đồng số: 115.3/PLHĐ ngày 26/3/2015 giữa Công an T và Công ty VX, bổ sung điều chỉnh giá trị hợp đồng 29.216.069.935 đồng. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để bàn giao đưa vào sử dụng ngày 04/11/2015. Theo văn bản số 2129/H45-P3 ngày 04/7/2017 của Cục Quản lý xây dựng cơ bản và doanh trại nay là Cục Quản lý xây dựng và doanh trại của Bộ Công an về việc kiểm tra phê duyệt khối lượng, chất lượng công trình với khối lượng giảm trừ được Công ty VX xác nhận giá trị giảm trừ là 1.705.715.802 đồng. Nguyên nhân giảm trừ: phần khối lượng này đã có trong phần dự toán công trình do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Quý Hải-Rạch Giá thiết kế ban đầu. Khi công trình có sự thay đổi phần thiết kế thì Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam (đơn vị thiết kế điều chỉnh) đã lấy phần dự toán điện nước ban đầu (do Cổ phần đầu tư xây dựng Quý Hải-Rạch Giá thiết kế) đưa vào phần phát sinh tăng trong dự toán của mình mà không khấu trừ lại (phát sinh giảm) dẫn đến tăng dự toán công trình từ 14 tỷ lên 21 tỷ. Công an T đã có Quyết định số 278/QĐ-CAT-PH41 ngày 30/12/2013 phê duyệt điều chỉnh dự toán, tiến hành ký kết Phụ lục hợp đồng số 115.1/PLHĐ ngày 31/12/2013 với Công ty VX; khi thẩm định quyết toán Cục H45 đã giảm trừ (có xác nhận của nhà thầu đối với khối lượng giảm trừ). Như vậy giá trị quyết toán của công trình được phê duyệt sẽ là 27.310.353.198 đồng (29.216.069.000 đồng - 1.705.715.802 đồng). Công an tỉnh đã thanh toán cho Vạn Xuân là 26.671.491.000 đồng, bao thanh toán cho các nhà thầu phụ là 6.412.445.990 đồng và 3% chi phí hỗ trợ quyết toán 664.000.000 đồng theo lời hứa trước đây của Nhà thầu. Đạt tỷ lệ 91,29% giá trị hợp đồng và 96,95% giá trị hợp đồng sau khi giảm trừ khối lượng quyết toán, đảm bảo tỷ lệ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Do giá trị xây dựng đề nghị quyết toán của hạng mục công trình là 29.216.069.000 đồng, lớn hơn giá trị xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt là 23.277.910.000 đồng tại Quyết định điều chỉnh dự án sau cùng số 6478/QĐBCA-H4I1 ngày 17/11/2015) nên Công an T (giai đoạn 2) điều chỉnh dự án (điều chỉnh giá trị phê duyệt của hạng mục) trước khi quyết toán hoàn thành.

Đối với hợp đồng giữa Công ty VX và DNTN LP theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2015/LP-VX ngày 18/3/2015 giá trị hợp đồng: 2.310.431.671 đồng. Phụ lục hợp đồng ba bên số 01 ngày 08/4/2015 giữa Công an T, Công ty VX và DNTN LP về việc thanh toán Hợp đồng số 01/HĐKT/2015/LP-VX ngày 18/3/2015 với nội dung: “chủ đầu tư quyết định đứng ra chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị của Hợp đồng số 01/HĐKT/2015/LP-VX là 2.310.431.671 đồng và các phụ lục cho bên nhà thầu phụ thay cho Bên B theo Điều 6 của Hợp đồng”. Phụ lục hợp đồng số

02 ngày 15/6/2015 giữa Công ty VX và DNTN LP về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống điện – cấp thoát nước – thiết bị vệ sinh, giá trị hợp đồng điều chỉnh là 3.794.876.000 đồng. Tại Điều 4 của Phụ lục hợp đồng về điều chỉnh thanh toán hợp đồng thì cả Công ty VX và DNTN LP đều thống nhất điều chỉnh thanh toán với giá trị bổ sung là 1.484.444.926 đồng. Phụ lục hợp đồng số 03 giữa Công ty VX và DNTN LP về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống điện thiết bị vệ sinh, giá trị hợp đồng điều chỉnh là 3.881.426.000 đồng. Qua các biên bản nghiệm thu khối lượng đề nghị thanh toán được xác định giữa Công ty VX và DNTN LP, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng vào ngày 22/7/2015, biên bản về việc kiểm tra hiện trường kết thúc bảo hành công trình. Ngày 02/02/2016, Công ty VX có giấy uỷ quyền về việc uỷ quyền cho Phòng Hậu cần- Kỹ thuật Công an T “chi trả tiền thanh toán khối lượng hạng mục Nhà Tàng thư, Hội trường Công an T theo các điều khoản đã cam kết (trong các hợp đồng cho các nhà thầu phụ trong đó có DNTN LP”. Đồng thời cũng nêu rõ, phần tiền tạm giữ lại nếu có quy định trong các hợp đồng nêu trên gồm bảo hành và chờ quyết toán sẽ do Công an tỉnh giữ lại. Ngày 28/02/2016, Công ty VX và các nhà thầu phụ có buổi làm việc và đối chiếu số liệu thanh toán (có ký xác nhận cụ thể), trong đó có xác nhận giá trị còn lại và giá trị đề nghị thanh toán cho DNTN LP là 388.426.000 đồng. Công ty VX tiếp tục thống nhất uỷ quyền Phòng Hậu Cần – Kỹ thuật thuộc Công an T chi trả thanh toán giá trị còn nợ cho các nhà thầu phụ. Theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2015/LP-VX ngày 18/3/2015 và các Phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03 thì giá trị hợp đồng 3.881.426.000 đồng hợp đồng trọn gói, thanh toán hợp đồng sẽ do Chủ đầu tư (Công an tỉnh) thanh toán hộ toàn bộ, giá trị giữ chờ bảo hành là 189.743.584 đồng.

Trong quá trình thanh lý hợp đồng giữa Công ty VX và DNTN LP không thống nhất được khối lượng nghiệm thu vì Công ty VX căn cứ vào khối lượng giá trị được duyệt của Cục H45 và Cục Tài Chính của Bộ Công an để tính thanh lý hợp đồng là không đúng. Công an T đã thanh toán cho nhà thầu phụ là DNTN LP, tổng số tiền 3.493.000.000 đồng, số tiền Công an tỉnh giữ lại là 388.426.000 đồng lớn hơn giá trị theo hợp đồng 189.743.584 đồng. Đến thời điểm hiện tại Công an tỉnh đã chi trả cho DNTN LP đúng các điều khoản của Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2015/LP-VX ngày 18/3/2015 và các Phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03 và giấy uỷ quyền ngày 02/02/2016 của Công ty VX. Công ty VX không thống nhất số tiền 1.370.309.337 đồng đã thanh toán cho DNTN LP là không đúng, Công an T không thống nhất về số tiền này.

Đối với công trình xây dựng 3 sân Tennis vào năm 2010, Công ty VX đã thực hiện xây dựng để phục vụ cho giải thi đấu quần vợt Vietnamairline gồm: 01 sân tập diện tích (14,2m x 6,6m) và 01 sân (18,3m x 36,6m) tại đường Nguyễn Trãi,

phường IV, thành phố T, tỉnh Hậu Giang và 02 sân tập diện tích (18,4m x 36,8m) tại Đại lộ Võ Nguyên Giáp, khu vực 2, phường V, thành phố T, tỉnh Hậu Giang. Tổng giá trị xây dựng là 2.027.443.300 đồng, có kèm theo dự toán của Công ty VX. Công an tỉnh đã thanh toán được 751.249.000 đồng. Còn nợ lại số tiền chưa thanh toán là do công trình không có nằm trong danh mục đầu tư của Công an T nên Công an tỉnh chưa có nguồn chi trả. Công an tỉnh sẽ chịu trách nhiệm và huy động nguồn tiền để trả số tiền còn lại cho Công ty VX trong thời gian tới.

Đối với số tiền Phòng Hậu Cần – Kỹ Thuật thuộc Công an T tạm mượn vào năm 2010, còn lại 500.000.000 đồng, thống nhất và có trách nhiệm trả trong thời gian tới.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L– Chủ DNTN LP (có yêu cầu độc lập) trình bày: Vào ngày 04/01/2021, ông L có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu Công an T chi trả số tiền còn lại là 388.426.000 đồng. Đến ngày 02/02/2021, ông L có đơn rút lại yêu cầu độc lập không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với tranh chấp giữa Công ty VX và Công an T không có yêu cầu gì trong vụ án.

Các bên đương sự đại diện Công an T, đại diện Công ty VX, Ông L– Chủ DNTN LP trình bày về khối lượng thi công công trình thi công xây dựng Cơ sở thuộc Công an T không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vì không tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty VX do ông Trần Quốc Điều đại diện theo pháp luật đối với yêu cầu Công an T thanh toán số tiền của 03 sân Tennis xây dựng vào năm 2010. Không chấp nhận đối với yêu cầu về Hạng mục Nhà tàng thư – Hội trường và yêu cầu về lãi suất.

Công an T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty VX do ông Trần Quốc Điều đại diện theo pháp luật số tiền tổng cộng là 1.632.876.000 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Trong đó 1.624.186.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền còn lại 03 Sân Tennis 1 và số tiền lãi 8.690.000 đồng (tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty VX đối với hạng mục xây dựng nhà ở doanh trại số 01, yêu cầu Công an T thanh toán số tiền 323.164.000 đồng (ba trăm hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông L– Chủ DNTN LP về yêu cầu Công an T trả số tiền 388.426.646 đồng (ba trăm tám mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí giám định tài sản, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2022, Công ty VX kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc Công an T trả cho Công ty VX các khoản tiền như sau:

- Lãi suất chậm thanh toán số tiền 230.708.000 đồng, số tiền lãi là 202.185.538 đồng;

- Thanh toán ngay 5% tạm giữ của hạng mục Nhà hội trường tầng thư 2.870.741.027 đồng, lãi chậm thanh toán là 1.893.837.030 đồng;

- Tiếp tục thanh toán 02 sân tennis số tiền 3.471.782.720 đồng và tiền lãi là 3.554.161.229 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn xin rút lại một phần kháng cáo liên quan đến số tiền gốc 2.758.935.027 đồng đối với hạng mục nhà Hội trường tầng thư Công an T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu kháng cáo theo Bảng tính chi tiết ngày 23/02/2023.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và cho rằng đã chi trả cho nguyên đơn vượt số tiền phải thanh toán là 276.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tự nguyện rút phần kháng cáo liên quan đến DNTN LP với số tiền 1.367.878.829 đồng và đồng ý giảm trừ theo Hồ sơ kiểm toán với số tiền là 734.030.000 đồng tại cấp phúc thẩm. Việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ Luật tố tụng dân sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền gốc là 111.806.000 đồng của hạng mục nhà Hội trường tầng thư là có cơ sở. Đối với các yêu cầu kháng cáo khác còn lại của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm; theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của

Công ty VX buộc Công an T phải thanh toán tiền gốc còn lại của hạng mục nhà Hội trường tầng thư là 111.806.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, qua đối chiếu nguyên đơn thống nhất 5% của hạng mục nhà Hội trường tầng thư với số tiền là 2.870.741.027 đồng, nguyên đơn đồng ý giảm trừ số tiền theo hồ sơ kiểm toán (H45 trước đây) là 1.705.715.802 đồng, giảm trừ theo Hồ sơ kiểm toán 734.030.000 đồng tại cấp phúc thẩm và thừa nhận đã nhận của Công an T là 664.000.000 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện rút phần kháng cáo liên quan đến DNTN LP với số tiền 1.367.878.829 đồng (do phía Công ty VX đã khởi kiện DNTN LP tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ).

Như vậy, đối với 5% của hạng mục nhà Hội trường tầng thư thì nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 111.806.000 đồng và chịu lãi suất là 595.111.089 đồng theo Bảng tính chi tiết ngày 23/02/2023.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ Luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Công ty VX, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Biên bản làm việc ngày 07/11/2019 giữa Công ty VX và Công an T tiến hành kiểm tra, đối chiếu các hạng mục công trình gồm: Nhà tầng thư – Hội trường; Nhà ở doanh trại số 01 Khối An Ninh; Số tiền Phòng Hậu cần Công an Hậu Giang mượn và 03 sân Tennis Công an tỉnh tại phần Kết luận đã nêu rõ về các khoản giá trị còn phải thanh toán đã thống nhất và chưa thống nhất. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên thống nhất và xác định Biên bản làm việc ngày 07/11/2019 làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.1] Thứ 1: Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty VX về việc yêu cầu Công an T phải trả lãi suất chậm thanh toán với số tiền 230.708.000 đồng (về gói thầu Nhà ở doanh trại số 01 Khối An ninh), số tiền lãi là 202.185.538 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận với nhau về một số nội dung, cụ thể tại biên bản thỏa thuận ngày 09/6/2022 (bút lục 714) về gói thầu Nhà ở doanh trại số 01 Khối An ninh, có ghi rõ: “Công an tỉnh thống nhất thanh toán hoàn trả phần kinh phí cam kết hỗ trợ quyết toán (3%) với giá trị 323.164.000 đồng... (sau khi giảm trừ 92.456.000 đồng

theo Thông báo kết quả của kiểm toán Nhà nước năm 2021)...chỉ chấp nhận thanh toán cho Công ty VX giá trị còn lại: 323.164.000 đồng – 92.456.000 đồng = 230.708.000 đồng....”. Sau đó, tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 230.708.000 đồng nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc mà nguyên đơn đã tự nguyện rút.

[2.2] Thứ 2: Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty VX về hạng mục xây dựng 03 sân Tennis không nằm trong hạng mục trúng thầu mà do các bên tự thỏa thuận xây dựng để phục vụ giải thi đấu quần vợt Vietnamairline. Công an T và Công ty VX có ký hợp đồng nguyên tắc số 80/HĐNT.CAT (PH12) về việc thi công 03 sân Tennis thuộc Công an T, tại Điều 2 của Hợp đồng thể hiện giá trị tạm tính là 1.500.000.000 đồng và Công ty VX có lập hồ sơ dự toán giá trị xây dựng 03 sân Tennis với số tiền 2.027.443.300 đồng.

Mặt khác, qua các biên bản làm việc cụ thể biên bản gần nhất là vào ngày 07/11/2019 và ngày 27/3/2020 giữa Phòng Hậu cần và Công ty VX (BL197-201) đã thống nhất xác định giá trị xây dựng 03 sân Tennis là 2.275.435.000 đồng, từ khi đưa vào sử dụng đến nay các bên cũng không tranh chấp giá trị chênh lệch số tiền này. Nay, phía Công ty VX tính giá trị xây dựng là 3.471.781.791 đồng sau 01 năm đưa công trình vào sử dụng là không phù hợp. Công an T đã thanh toán được 651.249.000 đồng nên có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho Công ty VX số tiền còn lại 1.624.186.000 đồng là có căn cứ. Xét thấy, Biên bản làm việc ngày 07/11/2019 nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về phần yêu cầu tính lãi đối với các khoản tiền mà bị đơn chậm thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn tính lãi là không có cơ sở.

[2.3] Thứ 3: Đối với kháng cáo của Công ty VX yêu cầu Công an T thanh toán 5% hạng mục nhà Hội trường tầng thư. Theo Hợp đồng số 115/HĐ-TCXD và các Phụ lục Hợp đồng số 115.1/PLHĐ, 115.2/PLHĐ, 115.3/PLHĐ giữa Công ty VX và Công an T ký kết. Công trình đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng ngày 04/11/2015, việc bị đơn giữ lại 5% để chờ quyết toán (không có thời hạn trả) là không phù hợp nên Công an T phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 5% được giữ lại.

Xét thấy, theo Biên bản làm việc ngày 07/11/2019 và cũng như tại phiên toà phúc thẩm, qua đối chiếu và thống nhất, nguyên đơn thừa nhận 5% hạng mục nhà Hội trường tầng thư với số tiền là 2.870.741.027 đồng đã bị giảm trừ theo hồ sơ kiểm toán (H45 trước đây) là 1.705.715.802 đồng, giảm trừ theo hồ sơ kiểm toán 734.030.000 đồng, Công an T đã trả 664.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện rút phần kháng cáo liên quan đến DNTN LP với số tiền 1.367.878.829 đồng. Và Công ty VX đã khởi kiện ông L– Chủ DNTN LP theo Thông báo về việc thụ lý vụ án

kinh doanh thương mại số 51/TB-TLVA ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Như vậy chỉ còn lại số tiền gốc là 111.806.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu phía Công an T phải thanh toán số tiền gốc còn lại là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn buộc bị đơn chịu lãi suất chậm thanh toán là 595.111.089 đồng của hạng mục nhà Hội trường tầng thư theo Bảng tính chi tiết ngày 23/02/2023. Xét thấy, việc không thể quyết toán được công trình như bên bị đơn trình bày là do có cơ quan kiểm toán sau khi kiểm tra đã kết luận về khối lượng bị giảm trừ mà bên nguyên đơn đã được tiếp cận và đồng ý với mức giảm trừ, đây là yếu tố khách quan sự việc mà không bên nào mong muốn và mặc khác tại Biên bản làm việc ngày 07/11/2019 nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về phần yêu cầu tính lãi đối với các khoản tiền mà bị đơn còn nợ lại.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, Công an T cho rằng đã chi trả cho Công ty VX vượt số tiền phải thanh toán là 276.000.000 đồng. Phần trả vượt này phía Công an cho rằng liên quan đến số tiền đã chi trả cho nhà thầu phụ. Do vậy, Công an T có quyền yêu cầu đối với số tiền trả vượt này tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nếu có căn cứ chứng minh.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty VX về việc yêu cầu Công an T thanh toán số tiền tạm giữ còn lại của hạng mục nhà tầng thư - hội trường cho Công ty VX với số tiền là 111.806.000 đồng. Đối với các yêu cầu kháng cáo còn lại là không có cơ sở để xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 385, Điều 386, 398, 403, 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Các Điều 138, 139, 144, 146 , 147 Luật xây dựng 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty VX về việc xin rút lại một phần kháng cáo liên quan đến số tiền gốc 2.758.935.027 đồng đối với hạng mục nhà Hội trường tầng thư Công an T.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty VX về yêu cầu Công an T phải thanh toán số tiền gốc là 111.806.000 đồng của hạng mục nhà Hội trường tàng thư.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty VX đối với Công an T.

Công an T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty VX tổng cộng là 1.744.682.000 đồng (một tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng). Trong đó: 1.624.186.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền còn lại của 03 Sân Tennis; 8.690.000 đồng (tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền lãi của hạng mục xây dựng nhà ở Doanh trại số 1; và 111.806.000 đồng (một trăm mười một triệu tám trăm lẻ sáu triệu đồng) tiền còn lại của hạng mục nhà tàng thư - hội trường thuộc Công an T

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty VX đối với hạng mục xây dựng nhà ở doanh trại số 01 về yêu cầu Công an T thanh toán số tiền 323.164.000 đồng (ba trăm hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông L- Chủ DNTN LP về yêu cầu Công an T trả số tiền 388.426.646 đồng (ba trăm tám mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

Về chi phí giám định tài sản tranh chấp tổng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Công ty VX chịu 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đã nộp xong. Công an T chịu 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) để hoàn trả lại cho Công ty VX đã tạm ứng trước đó.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công an T phải chịu 64.340.000 đồng (sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

Công ty VX phải chịu 71.889.000 đồng (Bảy mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 61.405.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng), Công ty VX đã nộp theo biên lai số 0006133 vào ngày 18/11/2020 thành án phí. Công ty VX phải nộp thêm số tiền 10.484.000 đồng (mười triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông L – Chủ DNTN LP số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.710.000 đồng (chín triệu bảy trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006167 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Công ty VX được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001531 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 10/3/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Ngân